

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HẢI**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 827/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **TRẦN THỊ P**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN MINH H**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 30/10/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Do mai mối nên chị và anh H kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, đánh và chửi chị. Vào tháng 3/2016 chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H, tại buổi hoà giải anh H hứa khắc phục các khuyết điểm nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Đến ngày 09/5/2016 chị lại tiếp tục nộp đơn ly hôn với anh H và sau khi xét xử Toà án nhân dân huyện C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị để vợ chồng về hàn gắn, sắp xếp lại gia đình. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào sum họp được và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ ngày 29/02/2016 đến nay. Nay chị vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh H.

Con chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài sản chung: Rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H đã được Toà án tổng đặt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự liên quan việc chị P khởi kiện như trên nhưng anh H vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Minh H vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, chị P trình bày do mai mối nên chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ ngày 29/02/2016 đến nay. Nguyên nhân do anh H thường nhậu nhẹt, không quan tâm gia đình. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh H. Xét thấy, cho chị P được ly hôn với anh H là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án Toà án đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh H để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Ngoài ra, vào thời điểm tháng 3/2016 chị P có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H, tại buổi hoà giải anh H hứa khắc phục các khuyết điểm nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Đến ngày 09/5/2016 chị P lại tiếp tục nộp đơn ly hôn với anh H và sau khi xét xử Toà án nhân dân huyện C đã ra bản án số 108/2016/HNGĐ-ST ngày 09/6/2016 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị để vợ chồng về hàn gắn, sắp xếp lại gia đình. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào sum họp giải quyết ổn thoả mâu thuẫn gia đình được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Không có nên Toà án không đặt ra xem xét.

[4] **Về tài sản chung:** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P tự nguyện rút yêu cầu về phần chia tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết để sau này chị có nhu cầu

chia tài sản chung của vợ chồng thì chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Từ đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không có văn bản ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Do đó, vấn đề tài sản chung Tòa án không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] *Về nợ chung*: Theo chị P trình bày là không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị P không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Tuy nhiên, chị phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị P. Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị P.

Do không có sự tranh chấp về tài sản chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 2.550.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai số 07770, 07771 cùng ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên được hoàn lại 2.250.000đ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

